

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2021
“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc

2. Ông Nguyễn Trung Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Ngọc L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

Bị đơn: Anh Lưu Văn T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị Ngọc L trình bày và yêu cầu như sau:

+ *Về hôn nhân:* Chị L và anh Lưu Văn T sống chung năm 2016, đến năm 2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Lưu Quyền T sinh ngày 16/02/2017, Lưu Duy T sinh ngày 23/02/2020.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T dẫn người phụ nữ khác về sống chung, còn đánh đập chị, đuổi ra khỏi nhà. Vợ chồng ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nay chị L yêu cầu ly hôn với anh T.

+ *Về con chung*: Hiện tại chị L đang nuôi dưỡng 02 con chung tên Lưu Quyền T sinh ngày 16/02/2017, Lưu Duy T sinh ngày 23/02/2020, tôi yêu cầu tiếp tục nuôi.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị L xin rút lại không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng vì chị cho rằng hiện tại chị đi làm vẫn đảm bảo cuộc sống của con.

+ *Về tài sản chung, về nợ chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lưu Văn T trình bày*: Thống nhất với lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, về con chung và mâu thuẫn gia đình. Vợ chồng ly thân hơn 01 năm nay. Quá trình Tòa án giải quyết anh T xin đoàn tụ nhưng chị L vẫn cương quyết ly hôn nên nay anh T chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị L. Về con chung: Anh T xin yêu cầu được nuôi con tên Lưu Quyền T sinh ngày 16/02/2017, còn Lưu Duy T sinh ngày 23/02/2020 thì để chị L tiếp tục nuôi vì còn quá nhỏ; anh T cho rằng điều kiện anh đảm bảo chăm sóc con tốt hơn chị L, chị L đi làm sống ở nhà trọ, môi trường sống không tốt, mặc khác có mẹ ruột anh nhà kế bên cùng chăm sóc con anh. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn của chị L và anh T. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lưu Quyền T sinh ngày 16/02/2017, Lưu Duy T sinh ngày 23/02/2020 cho chị Loan tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị Loan không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp giữa chị L và anh T là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; bị đơn đang cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] *Về hôn nhân*: Chị L và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vào ngày 29/01/2018 là

đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị L và anh T hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị L xin ly hôn anh T, theo lời khai của chị L tại Tòa án và tại phiên tòa thì trong thời gian chung sống anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, ngược lại anh T ra ngoài có người phụ nữ khác còn dẫn về nhà sống chung, mặc khác còn đánh đập hành hạ chị, đuổi chị ra khỏi nhà, vì con nên chị cố gắng chịu đựng, anh T hứa sẽ không qua lại với người phụ nữ kia nhưng anh T vẫn không thực hiện được. Hiện nay chị L không còn tình cảm với anh T nên cương quyết xin được ly hôn; về phía anh T cho rằng thời gian ly thân anh cố gắng xây đắp tình cảm để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng chị L không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, nên nay anh chấp nhận ly hôn.

Tòa nhận thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa chị L và anh T tự nguyện thuận tình ly hôn là có căn cứ được quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[3] *Về con chung*: Hiện tại chị L đang nuôi dưỡng, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi.

Xét thấy con chung của chị L và anh T từ khi vợ chồng ly thân, có thời gian anh T nuôi dưỡng Lưu Quyền T sinh ngày 16/02/2017; khoảng 4 tháng nay thì chị L đã rước về nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con cũng đã ổn định, tình cảm giữa chị và các con gắn bó hơn, mặc khác các con vẫn khỏe mạnh bình thường, vì vậy cần giao con chung tên Lưu Quyền T sinh ngày 16/02/2017, Lưu Duy T sinh ngày 23/02/2020 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị L tự nguyện xin rút lại yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị L và anh T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Chị L và anh T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Ngọc L và anh Lưu Văn T.

- *Về con chung*:

Giao con tên Lưu Quyền T sinh ngày 16/02/2017, Lưu Duy T sinh ngày 23/02/2020 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung Chị L rút yêu cầu nên đình chỉ không giải quyết.

- *Về tài sản chung*,: Chị L và anh T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về nợ chung*: Chị L và anh T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Hà Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002703 ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã Kim Hòa, Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Tranh

